

Số: 82/QĐ-YMB

Yên Mạc, ngày 03 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Về việc công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước.
năm 2025 của Trường THPT Yên Mô B

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT YÊN MÔ B

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/Q1115 ngày 25 tháng 6 năm

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước,

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 314/TB-SGDĐT ngày 29/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của kế toán trưởng THPT Yên Mô B

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THPT Yên Mô B (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, phòng kế toán và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website trường;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, KT.



An Thị Quế

PHỤ LỤC

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (Kèm theo Quyết định số 82/QĐ- YMB ngày 03/6/2026 của Trường THPT Yên Mô B)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 26/2026 TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 314/ TB-SGDĐT ngày 29/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Kết quả thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường THPT Yên Mô B, cụ thể như sau:

1. Tình hình giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

- Số dư kinh phí năm 2024 chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao trong năm: 20.009.479.000 trong đó
 - + Dự toán giao đầu năm: 18.245.000.000 đồng
 - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm 2.054.388.000 đồng
 - + Dự toán giảm trong năm: 289.909.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm: 20.009.479.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 19.999.799.200 đồng
- Kinh phí giảm trong năm (huỷ): 4.173.800 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 5.506.000đồng

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 5.506.000 đồng

2. Tình hình quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025

- Kinh phí quyết toán: 19.999.799.200đồng, trong đó:
 - + Kinh phí thường xuyên giao tự chủ: 18.046.826.200 đồng, trong đó; chi lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp của viên chức: 14.774.501.000 đồng; chi trích lập các quỹ (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng; chi dịch vụ mua ngoài, chi chuyên môn, mua sắm, sửa chữa...: 2.414.499.000 đồng; kinh phí tiền thưởng Nghị định 73/2024 NĐ- CP: 857.826.200 đồng).
 - Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ: 1.952.873.000 đồng, trong đó: Kinh phí mua sắm...: 1.553.127.000 đồng;; Kinh phí đặc thù: 399.746.000đồng).

3. Chi tiết về tăng giảm biên chế

- Số biên chế được giao đầu năm: 75 người (biên chế: 75 người, hợp đồng 111/2022/NĐ-CP: 0 người)
- Số biên chế được giao cuối năm: 74 người (biên chế: 74 người, hợp đồng 111/2022/NĐ-CP: 0 người) Giảm 01 người

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-YMB ngày 03/06/2026 của Hiệu trưởng trường THPT Yên Mô B)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	19.999,7992	19.999,7992	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	19.999,7992	19.999,7992		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.046,8262	18.046,8262		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.952,973	1.952,973		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Yên Mạc, Ngày 03 tháng 06 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



An Thị Quế